

Bản án số: 50/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12-6-2018
V/v tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn,
nuôi con và chia tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Văn Đô;**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Võ Thị Điệp**
Bà **Phan Thị Mướt**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Võ Thị Kim Hoa** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2018/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 24/5/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lưu Hồng T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ 18, Khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh Th, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đặng Thị B, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/02/2018; biên bản hòa giải ngày 27/4/2018, ngày 18/5/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lưu Hồng T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh Th tổ chức đám cưới với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Cao Lãnh ngày 24/8/2012.

Trong đời sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi, bất đồng quan điểm do anh Thuận không chăm lo làm ăn, không phụ giúp chị T chăm lo gia

đình và con. Anh Th thường xuyên ghen không lý do, đánh đập và thường xuyên hăm dọa chị T. Vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 10/2017 cho đến nay, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã không thể hàn gắn được. Nay chị Thảo yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh Th.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thảo N, sinh ngày 15/4/2011 và Nguyễn Ngọc Thiên Ng, sinh ngày 02/01/2014, hiện đang sống chung với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Trong quá trình sống chung vợ chồng chỉ có nợ bà Đặng Thị B số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Nay chị T đồng ý trả cho bà B số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Chị T trình bày không có vay của bà B số tiền 12.000.000 đồng và 0,7 chỉ vàng 24kr nên không đồng ý liên đới trả khoản nợ này cho bà B.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay chị T thống nhất việc bà Đặng Thị B rút yêu cầu chị T và anh Th có trách nhiệm trả cho bà B số tiền là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) và 0,7 chỉ vàng 24kr để các bên tự thỏa thuận.

Tại biên bản hòa giải ngày 27/4/2018, ngày 18/5/2018 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Nguyễn Minh Th trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Th thừa nhận thời gian chung sống với nhau, cũng như việc vợ chồng sống chung có đăng ký kết hôn như chị T trình bày. Vợ chồng sống chung có mâu thuẫn, có cự cãi lớn tiếng qua lại nhưng anh không có đánh chị T và hiện không còn sống chung từ tháng 10/2017 cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh có tìm cách hàn gắn tình cảm với chị T nhưng không thành. Nay anh Th cho rằng vợ chồng vẫn còn khả năng hàn gắn tình cảm và vì con nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị Lưu Hồng T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thảo N, sinh ngày 15/4/2011 và Nguyễn Ngọc Thiên Ng, sinh ngày 02/01/2014, hiện đang sống chung với chị T. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T thừa nhận vợ chồng có vay bà Đặng Thị B số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) và 07 phân vàng 24kr. Anh đồng ý liên đới trả cho bà B số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) và 07 phân vàng 24kr. Mỗi người có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ nêu trên, anh đồng ý trả 6.000.000 đồng và 3,5 phân vàng 24kr.

Tại phiên hòa giải và phiên tòa hôm nay, anh Th thống nhất việc bà Đặng Thị B rút yêu cầu chị T và anh Th có trách nhiệm trả cho bà B số tiền là

12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) và 0,7 chỉ vàng 24kr để các bên tự thỏa thuận.

Tại biên bản hòa giải ngày 27/4/2018, ngày 18/5/2018 và trong quá trình xét xử, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị B trình bày:

Ngày 14/11/2015 bà B cho anh Th, chị T vay số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) có làm biên nhận.

Năm 2017 bà B có đứng ra hỏi vay giùm chị T và anh Th số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), chị T là người nhận. Không có làm biên nhận.

Năm 2017 bà B cho chị T vay số vàng là 01 cặp bông tay 07 phân vàng 24kr. Chị T và anh Th nhận số vàng này. Không có làm biên nhận.

Bà Đặng Thị B có đơn yêu cầu chị T và anh Th có trách nhiệm trả cho bà B số tiền là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) và 0,7 chỉ vàng 24kr, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bà Đặng Thị B rút yêu cầu chị T và anh Th có trách nhiệm trả cho bà B số tiền là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) và 0,7 chỉ vàng 24kr, không yêu cầu tính lãi để các bên tự thỏa thuận. Khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ gồm:

1. Giấy chứng nhận kết hôn Nguyễn Minh Th – Lưu Hồng T, ngày đăng ký 24/8/2012, do UBND xã T, huyện Cao Lãnh cấp (Bản chính);
2. Giấy khai sinh Nguyễn Ngọc Thiên Ng, sinh ngày 02/01/2014 (Bản sao);
3. Giấy khai sinh Nguyễn Thảo N, sinh ngày 05/4/2011 (Bản sao);

Các tài liệu trong hồ sơ các đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 18/5/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Lưu Hồng T có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh Th. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung”.

Anh Nguyễn Minh Th là người bị kiện hiện đang cư trú tại ấp 3, xã Tân Nghĩa, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

Trong Quyết định xét xử số 141/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/5/2018 thì Hội thẩm nhân dân chính thức là ông Dương Tấn Lợi và Hội thẩm nhân dân dự khuyết là ông Phạm Phước Tâm, bà Hồ Thị Mai Hương, bà Lương Thị Kim Vân và ông Trần Văn Bé Hai. Tuy nhiên, ông Lợi, ông Tâm, bà Hương, bà Vân và ông Bé Hai đều bận công tác đột xuất nên thay thế Hội thẩm nhân dân là bà Phan Thị Mướt để tham gia Hội đồng xét xử. Các đương sự có mặt tại phiên tòa thống nhất với sự thay đổi này nên Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Th sống chung với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Cao Lãnh vào ngày 24/8/2012. Theo chị T trình bày, trong quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi, bất đồng quan điểm do anh Th không chăm lo làm ăn, không phụ giúp chị Th chăm lo gia đình và con. Anh Th thường xuyên ghen không lý do, đánh đập và thường xuyên hăm dọa chị T. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 10/2017 cho đến nay. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh Th.

Xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh Th là hợp pháp, chị T yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ. Bởi vì, chị T và anh Th đều thừa nhận là vợ chồng có mâu thuẫn nhau. Hiện nay vợ chồng không còn sống chung từ tháng 10/2017 cho đến nay, không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị T cũng cho anh Th cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Anh Th cho rằng vẫn còn thương vợ và con, muốn hàn gắn tình cảm nên không đồng ý ly hôn nhưng anh Th không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị T.

- Về con chung: Chị T và anh Th thừa nhận có 02 con chung tên Nguyễn Thảo N, sinh ngày 15/4/2011 và Nguyễn Ngọc Thiên Ng, sinh ngày 02/01/2014, hiện đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Anh Th không đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị T, nếu ly hôn anh Th yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi là cần xem xét điều kiện chăm sóc và việc phát triển con chung. Do 02 con chung đang sống với chị T đang phát triển tốt về mọi mặt và chị T cũng có đủ điều kiện nuôi dưỡng nên để chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp. Chị T không yêu anh Th cấp dưỡng xét thấy đây là sự tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T. Giao 02 con chung cho chị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Nguyễn Minh Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị T và anh Th trình bày không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị T và anh Th có nợ bà Đặng Thị B. Ngoài ra, anh Th và chị T thống nhất không còn nợ ai.

Tại phiên tòa bà Đặng Thị B có đơn tự nguyện xin rút yêu cầu chị T và anh Th có trách nhiệm trả khoản nợ vay với số tiền là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) và 0,7 chỉ vàng 24kr nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điểm c Khoản 1 Điều 217 và Khoản 2 Điều 219 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu của bà B.

Bà Đặng Thị B được quyền khởi kiện giải quyết lại theo thủ tục chung.

[3] Về án phí:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147, Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 3 Điều 18, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án:

Chị Lưu Hồng T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo Biên lai số 04267 ngày 08/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Đặng Thị B được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 360.000 đồng (Ba trăm sáu mươi ngàn đồng) theo Biên lai số 04597 ngày 27/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 217; Điều 218; Điều 219 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 3 Điều 18; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Lưu Hồng T.

1.1. Về hôn nhân: Chị Lưu Hồng T được ly hôn với anh Nguyễn Minh Th.

1.2. Về con chung:

Chị Lưu Hồng T được tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Thảo N, sinh ngày 15/4/2011 và Nguyễn Ngọc Thiên Ng, sinh ngày 02/01/2014. Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không có yêu cầu.

Anh Nguyễn Minh Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

1.3. Về tài sản chung: Chị T và anh Th thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

1.4. Về nợ chung:

Đình chỉ yêu cầu của bà Đặng Thị B về việc yêu cầu chị T và anh Th có nghĩa vụ trả số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) và 07 (bảy) phân vàng 24kr.

Bà Đặng Thị B có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục chung.

2. Về án phí:

Chị Lưu Thị Hồng T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo Biên lai số 04267 ngày 08/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Đặng Thị B được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 360.000 đồng (Ba trăm sáu mươi ngàn đồng) theo Biên lai số 04597 ngày 27/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- UBND nơi cấp GCN.KH
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Đô